Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ
website: sj.ctu.edu.vn

PHÂN TÍCH KHẢ NĂNG TIẾP CẬN NGUỒN VỐN TÍN DỤNG CHÍNH THỨC: TRƯỜNG HỢP CỦA NÔNG HỘ NUÔI TÔM Ở TỈNH TRÀ VINH

Bùi Văn Trịnh[1] và Trương Thị Phương Thảo[2]

[1] *Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ*
[2] *Ngân hàng phát triển chi nhánh tỉnh Trà Vinh*

Thông tin chung:
Ngày nhận: 20/01/2014
Ngày chấp nhận: 27/06/2014

Title:
Analysis the ability to access formal credit of shrimp-raising households in Tra Vinh province

Từ khóa:
Khả năng tiếp cận, nguồn vốn, tín dụng chính thức

Keywords:
Accessibility, capital sources, formal credit

ABSTRACT

The research shows that the access of formal credit of shrimp-raising households depends on the following factors: household income, duration in profession (production experience), loan interest rate, distance from household location to the district center, number of transactions with credit organizations and number of local credit organizations. Among former factors, there are 05 factors having a positive correlation with formal credit accessibility, they are: households income, duration in profession (production experience), loan interest rate, number of transaction with credit organizations, and the of local credit organizations. In contrast, distance from household location the district center hashas negative correlation (-) with the accessof formal credit of shrimp-raising households in Tra Vinh province. Based on the analysis results, some solutions to improve the ability to access formal credit by shrimp-raising households in Tra Vinh province are proposed.

TÓM TẮT

Kết quả nghiên cứu cho thấy khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của các hộ nuôi phụ thuộc vào các yếu tố sau: thu nhập của hộ, thời gian làm nghề (kinh nghiệm sản xuất), lãi suất vay của hộ, khoảng cách từ nơi hộ sinh sống đến trung tâm huyện, số lần hộ có giao dịch vay vốn với các tổ chức tín dụng và số tổ chức tín dụng tại địa phương. Trong đó có 05 yếu tố có mối tương quan thuận là: thu nhập của hộ, thời gian làm nghề (kinh nghiệm sản xuất), lãi suất vay của hộ, số lần hộ có giao dịch vay vốn với các tổ chức tín dụng và số tổ chức tín dụng tại địa phương. Ngược lại, yếu tố khoảng cách từ nơi hộ sinh sống đến trung tâm huyện có mối tương quan nghịch (-) với khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của hộ nuôi tôm trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Trên cơ sở kết quả phân tích, đề xuất các giải pháp giúp nông hộ nói chung và nông hộ nuôi tôm ở tỉnh Trà Vinh có khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức ngày càng tốt hơn.

1 ĐẶT VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

Trà Vinh là một tỉnh duyên hải Đồng bằng sông Cửu Long, có tổng diện tích nuôi trồng thủy sản 62.000 ha chiếm 27,5% diện tích đất tự nhiên (trong đó diện tích nuôi tôm sú 25.000 ha). Ngành nghề chủ yếu của tỉnh Trà Vinh là nuôi trồng thủy sản, đặc biệt là nghề nuôi tôm. Trong những năm gần đây điều kiện nuôi tôm có nhiều khó khăn, thách thức. Thời tiết diễn biến phức tạp, môi trường nước không ổn định, dịch bệnh thủy sản (tôm sú, cá tra) phát sinh, chưa được khống chế, dịch bệnh tiềm ẩn, giá vật tư đầu vào tăng, ngược lại giá sản phẩm đầu ra (tôm sú, cá tra,…) có xu hướng xuống thấp. Thực tế, những năm qua tình hình nuôi tôm gặp nhiều bất lợi, sản xuất – kinh

doanh đạt hiệu quả không cao, có một số hộ thua lỗ nặng, đa số các hộ nuôi thu hẹp sản xuất do nguồn vốn hạn hẹp. Chính thực trạng thiếu vốn đầu tư làm nhiều nông hộ không thể nào tiếp tục sản xuất. Việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng chính thức của nông hộ nuôi tôm nói riêng và cả ngành nuôi trồng thủy sản của tỉnh Trà Vinh nói chung đang gặp trở ngại lớn.

Vì vậy, việc nghiên cứu khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng chính thức của nông hộ nuôi tôm là cần thiết. Nhằm xác định vai trò của nông hộ trong đầu tư và sử dụng vốn vay, tìm ra những nguyên nhân làm hạn chế khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ, đồng thời đề xuất một số giải pháp phù hợp để giúp cho nông hộ nuôi tôm có khả năng tiếp cận được nguồn vốn tín dụng chính thức tốt hơn và qua đó các tổ chức tín dụng chính thức cũng có cơ hội để thực thi nghiệp vụ tín dụng hiệu quả hơn.

2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để có nguồn thông tin phục cho nghiên cứu này, chúng tôi tiến hành sử dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng, xác định được 242 nông hộ nuôi tôm thâm canh và bán thâm canh ở 10 xã thuộc 3 huyện có diện tích nuôi tôm lớn của tỉnh Trà Vinh. Trên cơ sở đó, chúng tôi thực hiện phỏng vấn trực tiếp thông tin từng đại diện nông hộ vào bảng câu hỏi được chuẩn bị trước.

Các nhân tố có thể tác động đến khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng chính thức của nông hộ nuôi tôm được chia thành hai nhóm: *Nhóm nhân tố đặc điểm của hộ nuôi,* gồm: qui mô nhân khẩu của hộ, thu nhập bình quân năm của hộ, hình thức nuôi, thời gian làm nghề (kinh nghiệm sản xuất), diện tích đất nuôi tôm, khoảng cách từ nơi sinh sống đến trung tâm huyện. *Nhóm nhân tố thuộc các tổ chức tín dụng,* gồm: lãi suất vay của hộ, thủ tục vay vốn, số tổ chức tín dụng tại địa bàn nghiên cứu.

Thông tin sơ cấp sau khi xử lý được đưa vào mô hình hồi quy Binary logistic để kiểm tra các giả thuyết dựa trên mối quan hệ giữa biến phụ thuộc và biến độc lập. Biến phụ thuộc là biến nhị phân nhận 2 khả năng nhận được khoản vay hay không nhận được khoản vay từ nguồn tín dụng chính thức. Mô hình hồi quy có dạng:

$$\mathbf{Log_e}\left[\frac{P(Y=1)}{P(Y=0)}\right] = \alpha + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \beta_3 X_3 + \ldots + \beta_n X_n \quad (2.1)$$

Để ước lượng mô hình này ta chuyển về dạng tuyến tính. Khi đó mô hình được viết lại như sau:

$$Y_i = \alpha + \beta_i X_i + \varepsilon_i \quad (2.2)$$

Y_i: là biến phụ thuộc, thể hiện khả năng nhận được nguồn vốn tín dụng chính thức của hộ nuôi và được đo lường bằng hai giá trị 1 và 0.

Trong đó: biến phụ thuộc Y_i nhận hai giá trị: $Y_i = 1$, nông hộ nuôi tôm nhận được nguồn tín dụng chính thức, $Y_i = 0$, nông hộ nuôi tôm không nhận được nguồn tín dụng chính thức.

X_i: là biến độc lập có ảnh hưởng đến khả năng nhận được nguồn tín dụng chính thức.

Dựa vào mô hình hồi quy tổng quát và các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng nhận được nguồn vốn tín dụng chính thức của nông hộ nuôi trong mẫu khảo sát, mô hình hồi quy được xây dựng như sau:

$$VAY_{TCTD} = \alpha + \beta_1 DTNUOI + \beta_2 THUNHAP + \beta_3 TGLNGHE + \beta_4 HTNUOI + \beta_5 THUTUC + \beta_6 LAIUAT + \beta_7 KCACH + \beta_8 SOLANVAY + \beta_9 NHANKHAU + \beta_{10} SOTCTD$$

Trong đó: ***VAY_{TCTD} :*** là khả năng nhận được nguồn vốn tín dụng chính thức của nông hộ nuôi tôm. ***VAY_{TCTD}*** = 1 hộ nuôi tôm nhận được khoản tín dụng chính thức, ***VAY_{TCTD}*** = 0 nông hộ nuôi tôm không nhận được nguồn tín dụng chính thức.

3 KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1 Đặc điểm của nông hộ nuôi tôm qua mẫu điều tra

Kết quả từ mẫu điều tra cho thấy, trong 242 nông hộ được điều tra thì có 206 nông hộ tham gia tín dụng, chiếm 85,12%, còn lại 36 hộ không vay mượn bất cứ hình thức nào, chiếm 14,88%.

Bảng 1: Các nguồn vốn vay của hộ

Chỉ tiêu	Số quan sát	Tỷ lệ (%)
Nguồn tín dụng chính thức	130	53,72
Nguồn tín dụng bán chính thức	1	0,4
Nguồn tín dụng phi chính thức	147	60,74

Nguồn: Thông tin thu thập qua mẫu khảo sát nông hộ nuôi tôm

Trong số nông hộ tiếp cận được nguồn tín dụng thì chỉ có 53,72% nông hộ tiếp cận được nguồn vốn tín dụng chính thức, số nông hộ nuôi tôm còn lại phải tiếp cận từ nguồn tín dụng phi chính thức với hình thức biểu hiện là mua chịu vật tư sản xuất (Bảng 1). Như vậy, không phải nông hộ nào trên địa bàn cũng có khả năng tiếp cận được nguồn tín dụng chính thức để có vốn nuôi tôm.

Qua kết quả phân tích ở Bảng 2 ta thấy, lượng vốn tín dụng trung bình mỗi nông hộ nuôi tôm từ

các tổ chức tín dụng chính thức là 41,17 triệu đồng với mức lãi suất trung bình/năm là 13,59%. Nhưng vay được từ tín dụng phi chính thức trung bình tới 73, 73 triệu đông/hộ với lại suất quá cao (56,32%/năm). Trong đó, số hộ tham gia tín dụng phi chính thức nhiều nhất là với hình thức mua chịu vật tư. Theo thuật ngữ chuyên môn trong lý thuyết tín dụng, thì hình thức tín dụng này có thể được gọi là Tín dung thương mại.

Bảng 2: Lượng tiền vay của hộ nuôi

Nguồn vay	Sô quan sát	Số tiền vay Trung bình (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Lãi suất vay Trung bình (%)	Tỷ trọng (%)
1.Tín dụng chính thức	**130**	**41,17**	**35,76**	**13,59**	**15,12**
Các TCTD và Qũy tín dụng	130	41,17	35,76	13,59	15,12
2.Tín dụng bán chính thức	**1**	**0,21**	**0,18**	**20,00**	**22,24**
3.Tín dụng phi chính thức	**147**	**73,73**	**64,05**	**56,32**	**62,64**
- Người cho vay ĐP	1	0,12	0,11	18,00	20,02
- Người bán vật tư, đại lý	144	72,25	62,76	38,32	42,62
- Bạn bè, người thân	2	1,36	1,18	0	0

Nguồn: Phân tích từ thông tin thu thập qua mẫu khảo sát nông hộ nuôi tôm

3.2 Phân tích mức độ ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của nhân tố

Từ kết quả phân tích mô hình Binary logistic ở Bảng 3 cho thấy, Kiểm định giả thuyết về độ phù hợp tổng quát có mức ý nghĩa quan sát Sig. = 0,000 < 0,01 với độ tin cậy 99% nên ta bác bỏ giả thuyết H_0 là hệ số hồi quy của các biến độc lập bằng không. Như vậy, các biến độc lập có quan hệ tuyến tính với biến phụ thuộc. Giá trị -2Log likelihood = 23,04 thể hiện mức độ phù hợp tổng quát của mô hình. Mức dự báo đúng của toàn bộ mô hình là 97,1%.

Như vậy, kiểm định Wald cho biết mô hình có 6 biến (THUNHAP, TGLNGHE, LAISUAT, KCACH, SOLANVY, SOTCTD) đảm bảo ý nghĩa.

Qua kết quả phân tích ở Bảng 3 cho thấy, trong 10 biến độc lập đưa vào mô hình nghiên cứu thì 6 biến có mối tương quan với biến phụ thuộc. Trong đó, có 5 biến tác động cùng chiều với biến phụ thuộc là các biến: thu nhập bình quân năm của hộ, thời gian làm nghề của chủ nông hộ (kinh nghiệm sản xuất), lãi suất tiền vay của nông hộ, số lần vay tiền của hộ và số tổ chức tín dụng chính thức tại địa phương có tương quan thuận với khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của nông hộ nuôi tôm. Hay nói khác hơn là thu nhập bình quân năm, lãi suất tiền vay, thời gian làm nghề của chủ hộ (kinh nghiệm sản xuất), số lần vay được tiền và số tổ chức tín dụng tại địa phương là những nhân tố ảnh hưởng khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ nuôi tôm. Ngược lại biến khoảng cách từ nơi nông hộ sinh sống đến trung tâm Huyện tương quan nghịch với biến phụ thuộc. Nghĩa là biến này làm giảm khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của hộ nuôi tôm.

Bảng 3: Mức độ ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn TDCT của hộ nuôi tôm

Biến	Hệ số (B)	Sig.
Hằng số	-13,755	**0,033**
X_1: DTNUOI	-0,154	0,286
X_2: THUNHAP	**0,038**	**0,079**
X_3: TGLNGHE	**0,624**	**0,032**
X_4: HTNUOI	-0,315	0,829
X_5: THUTUC	-2,734	0,127
X_6: LAISUAT	**0,596**	**0,005**
X_7: KCACH	**-0,427**	**0,078**
X_8: SOLANVAY	**7,746**	**0,005**
X_9: NHANKHAU	-0,438	0,351
X_{10}: SOTCTD	**1,587**	**0,028**
Hệ số Sig. của mô hình	0,000	0,000
-2 Log Likelihood		23,04
Mức dự báo chính xác (%)		97,1

Nguồn: Phân tích từ thông tin thu thập qua mẫu khảo sát nông hộ nuôi tôm

Cụ thể, từng biến tác động đến khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của hộ nuôi tôm như sau:

Thu nhập bình quân năm của hộ (X_2) có mối quan hệ thuận với biến khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của hộ nuôi tôm. Giá trị biến này càng tăng thì giá trị biến Y càng gần 1. Thu nhập cũng góp phần làm cho hộ vay dễ dàng tiếp cận tín dụng hơn từ khu vực chính thức. Những hộ có thu nhập bình quân hằng năm cao thì dễ tiếp cận vốn tín dụng chính thức hơn những hộ có thu nhập thấp. Một trong những điều kiện để vay được vốn

từ các tổ chức tín dụng chính thức là khả năng tạo ra thu nhập của người vay.

Thời gian làm nghề (X_3) có mối quan hệ thuận với biến khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của hộ nuôi tôm. Giá trị biến này càng tăng thì giá trị biến Y càng gần 1. Lý do hộ nuôi có nhiều năm trực tiếp sản xuất trong lĩnh vực này. Nên với những kinh nghiệm của hộ có thể tăng năng suất và hạn chế được rủi ro trong quá trình nuôi. Đồng thời tạo được lợi nhuận cao và trả được nợ tốt thường được các tổ chức tín dụng ủng hộ cao hơn nên dễ dàng tiếp cận được vốn tín dụng chính thức hơn.

Lãi suất vay của hộ (X_6) có mối quan hệ thuận với biến khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của hộ nuôi tôm. Vì lãi suất thể hiện số tiền lãi mà hộ vay trả cho tổ chức tín dụng khi sử dụng tiền vay. Lãi suất tín dụng tác động tới hoạt động sản xuất và đời sống của hộ. Do đó lãi suất cũng là điều kiện để hộ vay vốn xem xét vay hay không vay vốn để phát triển sản xuất. Cho thấy là lãi suất các tổ chức tín dụng có tác động đến khả năng tiếp cận vốn tín dụng của hộ nuôi.

Khoảng cách từ nơi hộ sinh sống của hộ đến trung tâm huyện (X_7) có mối quan hệ nghịch với biến khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của hộ nuôi tôm. Vì những hộ sinh sống cách xa trung tâm với điều kiện đi lại khó khăn sẽ ảnh hưởng nhiều đến khả năng tiếp cận nguồn vốn của hộ, những hộ ở vùng sâu thường trình độ học vấn và khả năng nắm bắt tình hình rất hạn chế nên ảnh hưởng nhiều đến khả năng tiếp cận của hộ. Vì trung tâm huyện thường tập trung nhiều trung tâm thương mại, nhiều tổ chức tín dụng.

Số lần hộ vay vốn từ nguồn vốn tín dụng (X_8) có tương quan thuận với biến khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của hộ nuôi tôm. Giá trị biến này càng tăng thì giá trị biến Y càng gần 1. Những hộ đã từng vay vốn từ các tổ chức tín dụng sẽ thể hiện được uy tín về việc trả nợ của những lần vay trước đó của mình với các tổ chức tín dụng là khách hàng truyền thống, với những khách hàng này các tổ chức tín dụng cũng hiểu rõ tình hình sản xuất, năng lực tài chính và kinh nghiệm làm nghề. Nên giảm bớt chi phí khảo sát và thẩm định trong quá trình cho vay. Đồng thời với những hộ này sẽ thông thạo hơn về qui trình, thủ tục cho vay cũng như điều kiện vay vốn của các tổ chức tín dụng như thế chấp của ngân hàng nên họ dễ dàng lập được một bộ hồ sơ hoàn chỉnh được các tổ chức tín dụng chấp nhận cho vay.

Số tổ chức tín dụng ở địa phương (X_{10}) có tương quan thuận với biến khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của hộ nuôi tôm. Giá trị biến này càng tăng thì giá trị biến Y càng gần 1. Nếu số ngân hàng và quỹ tín dụng càng nhiều thì người đi vay sẽ có nhiều cơ hội lựa chọn hơn vì tính cạnh tranh trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Do đó về mặt hồ sơ thủ tục vay, điều kiện thế chấp và cả lãi suất cho vay cũng tạo nhiều cơ hội hơn cho người đi vay.

4 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO KHẢ NĂNG TIẾP CẬN VỐN TÍN DỤNG CHÍNH THỨC CỦA HỘ NUÔI TÔM Ở TỈNH TRÀ VINH

4.1 Nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng của hộ nuôi tôm

– *Thu nhập:* Để tăng thu nhập hộ nuôi cần quản lý tài chính và sử dụng vốn hiệu quả mới có thể hạn chế rủi ro, làm tăng thu nhập của hộ. Cần cải tiến mô hình sản xuất mở rộng với quy mô trang trại và theo định hướng qui hoạch nuôi tôm công nghiệp theo vùng để có thể đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ, hình thành những trang trại lớn thông qua hình thức hợp tác xã, tổ hợp tác… Với hình thức tập trung diện tích lớn người nuôi có thể thống nhất hạn chế rủi ro trong sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất người nuôi có lợi nhuận cao hơn, đồng thời phải tìm đầu ra ổn định cho sản phẩm mình sản xuất ra góp phần tăng thu nhập. Nhà nước nên thiết lập hệ thống các doanh nghiệp xuất khẩu bao tiêu sản phẩm, nhất là xuất khẩu thủy sản, tạo điều kiện hình thành vùng chuyên canh và xây dựng được mặt hàng xuất khẩu có sức cạnh tranh cao, cũng như tạo thuận lợi cho việc cấp tín dụng ngân hàng. Các tổ chức tín dụng chính thức ngoài việc cho vay nên có chủ trương hướng dẫn người vay sử dụng vốn hợp lý, xây dựng phương án phù hợp với chu kỳ sản xuất.

– *Kinh nghiệm sản xuất:* Hộ nuôi phải tự trang bị cho mình những kiến thức và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản để nắm vững quy trình nuôi và học hỏi kinh nghiệm. Tích cực tham gia các lớp tập huấn kỹ thuật nuôi trồng thủy sản từ các chương trình hỗ trợ và tư vấn của trung tâm khuyến nông, khuyến ngư của tỉnh. Tích lũy được nhiều kinh nghiệm và các kỹ thuật nuôi sẽ giúp tăng năng suất và hạn chế được rủi ro trong quá trình nuôi.

– *Lãi suất:* Các tổ chức tín dụng cần có chính sách lãi suất hợp lý để hộ nuôi dễ dàng chấp nhận mức lãi suất và mạnh dạng đầu tư. Trước mắt cần tập trung xây cơ chế lãi suất mềm dẻo và phù hợp, nhằm khuyến khích phát triển kinh tế hộ trong khu vực nông thôn. Đồng thời, Nhà nước cũng cần có giải pháp để hỗ trợ tín dụng trong lĩnh vực cho vay nuôi tôm. Chính phủ cần có những chính sách can

thiệp nhất định để hỗ trợ cho kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

– *Khoảng cách từ nơi hộ sinh sống đến trung tâm huyện:* Tại một số địa phương người dân muốn vay vốn phải đi rất xa mới đến được trụ sở ngân hàng nhưng không biết chắc là có vay được vốn hay không. Các tổ chức tín dụng cần tăng cường tập trung mở rộng phạm vi phục vụ và các dịch vụ hỗ trợ đến các vùng xa, vùng sâu. Đồng thời các tổ chức Chính phủ nên đầu tư vốn cho cơ sở hạ tầng giao thông, viễn thông ở các vùng nông thôn, vùng xa để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiêu thụ hàng hóa nông sản, và người dân có thể có điều kiện tiếp cận nguồn vốn ngân hàng và các dịch vụ ngân hàng.

– *Số lần vay vốn của hộ nuôi ở các tổ chức tín dụng:* Khi hộ nuôi vay vốn các tổ chức tín dụng cần tuân thủ nguyên tắc vay vốn, các thủ tục, qui trình cho vay của các tổ chức tín dụng và phải trả nợ đúng hạn. Đặc biệt là phải sử dụng vốn vay đúng mục đích.

– *Số tổ chức tín dụng tại địa phương:* Các tổ chức tín dụng nâng cao năng lực tài chính, các định chế cho vay các lĩnh vực nông nghiệp, có chính sách hỗ trợ nhất định tạo điều kiện mở rộng mạng lưới các phòng giao dịch về vùng nông thôn nhiều hơn nữa. Mở rộng mạng lưới cho vay vùng sâu, vùng xa nhằm tăng cường hoạt động tài chính nông thôn. Để các hộ sản xuất có điều kiện tiếp cận được vốn khi có nhu cầu vốn sản xuất góp phần xây dựng kinh tế nông nghiệp vùng nông thôn phát triển mạnh, người dân có đủ vốn sản xuất. Tăng cường sự chỉ đạo của các Chính quyền địa phương trong việc hỗ trợ các hoạt động tín dụng trên địa bàn, như tuyên truyền chính sách vay vốn tín dụng đến từng hộ dân và hỗ trợ cho hoạt động mở rộng dịch vụ các ngân hàng.

4.2 Các giải pháp hỗ trợ

a. Đối với hộ nuôi tôm

Thứ nhất, quản lý tài chính và sử dụng vốn hiệu quả làm tăng thu nhập của hộ

– Hộ nuôi phải biết tính toán chi phí sản xuất, phân bổ chi phí và sử dụng vốn hợp lý. Đồng thời hộ có thể xác định được hình thức sản xuất thích hợp với năng lực và khả năng sản xuất, số lao động có thể tham gia trực tiếp sản xuất của hộ; từ đó có thể xác định được nhu cầu vốn phù hợp, đảm bảo an toàn vốn và có lãi, tránh việc sản xuất vượt khả năng và vượt mức vốn dẫn đến tình trạng sản xuất kém hiệu quả, lỗ vốn ảnh hưởng lớn đến thu nhập và mất cân đối tài chính.

– Hộ nuôi cần qui hoạch phát triển nuôi tôm công nghiệp để có thể đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ, hình thành những trang trại lớn thông qua hình thức hợp tác xã, tổ hợp tác… Với hình thức nuôi này sẽ nâng cao sản xuất có hiệu quả, tăng thu nhập thì mới đảm bảo được khả năng trả nợ của hộ nhằm nâng cao uy tín và tạo lập được lòng tin đối với các tổ chức tín dụng.

– *Tìm đầu ra ổn định cho sản phẩm:* Qua nghiên cứu thực tế khâu tiêu thụ sản phẩm của hộ nuôi tôm đa phần không ổn định đầu ra người nuôi khi đến mùa thu hoạch thì tự tìm nơi để tiêu thụ, chưa có tạo dựng sẵn thị trường tiêu thụ ổn định cho thị trường tôm. Để tránh được tình trạng thương lái ép giá mà còn ổn định được đầu ra, người nuôi nên liên kết với các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu để được bao tiêu sản phẩm đầu ra.

Thứ hai, nâng cao năng lực sản xuất và kinh nghiệm sản xuất của hộ: Hộ nuôi phải tự trang bị cho mình những kiến thức và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản để nắm vững quy trình nuôi và học hỏi kinh nghiệm. Tích cực tham gia các lớp tập huấn kỹ thuật nuôi trồng thủy sản từ các chương trình hỗ trợ và tư vấn của trung tâm khuyến nông, khuyến ngư của tỉnh. Thành lập các tổ, câu lạc bộ những người nuôi tôm để trao đổi học hỏi kinh nghiệm thực tế từ những trải nghiệm của các thành viên. Áp dụng hình thức nuôi tập trung như: hợp tác xã, tổ hợp tác… người nuôi có nhiều điều kiện tốt để học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau.

Thứ ba, khắc phục nhược điểm do điều kiện nơi sinh sống ở nông thôn và thành thị: Để hạn chế sự cản trở do khoảng cách địa lý nơi hộ sinh sống làm ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng. Hộ nuôi nên tự giác học tập, bồi dưỡng kiến thức bằng nhiều hình thức như: thường xuyên theo dõi các tin tức liên quan đến các chương trình khuyến nông, khuyến ngư để học tập kinh nghiệm, bổ sung kiến thức nghề tôm. Mặt khác, các hộ nuôi phải thường xuyên quan tâm đến các chính sách tín dụng của Nhà nước áp dụng cho vay ngành nuôi trồng thủy sản, cũng cần tìm hiểu thêm thông tin về quy trình và thủ tục cho vay, lãi suất, các khoản phải trả, quyền lợi và nghĩa vụ của mình khi vay vốn… của các tổ chức tín dụng. Để có phương hướng sản xuất phù hợp, hiệu quả và chuẩn bị tốt điều kiện và có thể tiếp cận được vốn tín dụng tốt hơn.

Thứ tư, tạo lập uy tín với các tổ chức tín dụng: Thông qua số lần vay vốn của hộ nuôi tại tổ chức tín dụng cho nên khi những hộ nuôi có vay vốn từ các tổ chức tín dụng cần phải thực hiện đúng nghĩa vụ của người đi vay, là luôn tuân thủ đúng các thủ

tục và qui trình vay vốn, trả nợ đúng hạn nhằm tạo lập uy tín với người cho vay để lần sau được thuận tiện hơn. Cụ thể là những hộ đã từng vay vốn từ các tổ chức tín dụng sẽ thể hiện được uy tín về việc trả nợ của những lần vay trước đó với các tổ chức tín dụng và trở thành khách hàng truyền thống.

b. Các tổ chức tín dụng

Hoàn thiện chính sách tín dụng cải cách Chính sách tín dụng chính là tăng khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng với lãi suất hợp lý, hoàn thiện môi trường kinh tế và pháp luật nhằm tạo nhiều cơ hội thuận lợi hơn cho hoạt động tín dụng chính thức cũng như phát triển thị trường tín dụng nông thôn. Trước mắt cần tập trung xây dựng định chế tín dụng về lãi suất hợp lý mềm dẻo, thời hạn cho vay phù hợp. Cần cải tiến thủ tục theo hướng đơn giản, gọn nhẹ, phù hợp với trình độ người dân, tránh tình trạng người dân phải đi lại nhiều lần và chờ đợi quá lâu. Bên cạnh đó cần phải tăng qui mô vốn những hộ sản xuất hiệu quả là rất cần thiết và có chính sách ưu đãi đối với khách hàng truyền thống.

Cung cấp thông tin về hoạt động tín dụng ngoài việc cung cấp vốn cho người dân các tổ chức tín dụng cần phải tìm mọi biện pháp để giúp người dân biết rõ thông tin về hoạt động cho vay thông qua các hình thức phổ biến, thông qua chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể địa phương, tuyên truyền, báo đài…

Mở rộng mạng lưới các tổ chức tín dụng về nông thôn: Hiện nay đa phần các tổ chức tín dụng thường đặt phòng giao dịch hay trụ sở nơi thị trấn và các trung tâm. Các tổ chức tín dụng cần mở rộng mạng lưới các phòng giao dịch về vùng nông thôn nhiều hơn nữa để các hộ sản xuất có điều kiện tiếp cận được vốn khi có nhu cầu, góp phần xây dựng kinh tế nông nghiệp vùng nông thôn phát triển mạnh, người dân có đủ vốn sản xuất.

5 KẾT LUẬN

Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận nguồn tín dụng chính thức của nông hộ nuôi tôm đã sử dụng mô hình Binary logistic để phân tích các thông tin thu thập từ 242 nông hộ được phỏng vấn, nhằm tìm ra mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng chính thức đối với họ.

Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra được các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng chính thức của hộ nuôi tôm là: thu nhập của hộ, thời gian làm nghề nuôi tôm *(kinh nghiệm sản xuất*), lãi suất vay của hộ, khoảng cách từ nơi hộ sinh sống đến trung tâm huyện, số lần vay các tổ chức tín dụng và số tổ chức tín dụng tại địa phương. Trong 6 yếu tố, có 5 yếu tố tác động cùng chiều với khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức. Ngược lại, yếu tố khoảng cách từ nơi hộ sinh sống đến trung tâm huyện có mối tương quan nghịch với khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của hộ nuôi tôm. Đây là những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tiếp nhận vốn tín dụng chính thức của hộ nuôi tôm ở tỉnh Trà Vinh.

Bên cạnh những kết quả đạt được, đề tài không tránh khỏi những vấn đề còn hạn chế: *Thứ nhất,* trong quá trình nghiên cứu tác giả đưa các biến kỳ vọng ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn tín dụng chưa đầy đủ. *Thứ hai,* hạn chế lớn nhất là quá trình nghiên cứu chưa có đầy đủ cơ sở để đưa khuyến cáo hộ nuôi tôm nên tham gia hình thức nuôi nào là tốt nhất (thâm canh hay bán thâm canh).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Minh Triết (2008), *Phân tích tình hình sử dụng vốn vay của nông hộ tại Kiên Giang,* Luận văn thạc sỹ, Trường Đại học Cần Thơ.
2. Bùi Văn Trịnh và Nguyễn Quốc Nghi (2011), "Các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu tín dụng chính thức trong triển khai ứng dụng tiến bộ kỹ thuật: Trường hợp nông hộ sản xuất lúa ở Đồng Tháp", *Tạp chí Khoa học 2011 – Trường Đại học Cần Thơ.*
3. Đinh Phi Hổ (2008), *Kinh tế học nông nghiệp bền vững,* NXB Phương Đông.
4. Đinh Phi Hổ (2011), *Phương pháp nghiên cứu định lượng và những nghiên cứu thực tiễn trong kinh tế phát triển nông nghiệp,* NXB Phương Đông.
5. Hoàng Trọng – Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, NXB Hồng Đức.
6. Huỳnh Trung Thời (2011), *Các nhân tố ảnh hưởng đến tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ trên địa bàn tỉnh An Giang,* Luận văn Thạc sỹ, Trường Đại học Cần Thơ.
7. Nhóm nghiên cứu Kinh tế và phát triển (DERG) (2010), *"Tính sẵn có và hiệu quả của tín dụng nông thôn Việt Nam: bằng chứng điều tra Tiếp cận nguồn lực của hộ gia đình ở Việt Nam 2006-2008-2010*" Trường Đại học tổng hợp Copenhagen (Uoc) – Chương trình phát triển Nông nghiệp và Nông thôn (ARD).